

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **28/6/2019**

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Ông Nguyễn Việt Anh

Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Minh Hiếu**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2019/HSST ngày 02/01/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST - HS ngày 22/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 40 ngày 12/6/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng Đ-** sinh năm 1978

HKTT: Phòng 118, phường Cị, quận B, Hà Nội.

Trú tại: Phòng 203 số nhà 33 ngõ 697 đường G, quận H, Hà Nội.(có mặt)

- **Bị đơn: Anh Phạm Mạnh T-** sinh năm 1975

HKTT và trú tại: Phòng 203 số nhà 33 ngõ 697 đường G, quận H, Hà Nội.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Đ trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Phạm Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Công Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị. Sau khi kết hôn hai anh chị sống tại một số nơi ở Hà Nội, đến năm 2012 thì hai vợ chồng chuyển về sinh sống tại Phòng 203 số nhà 33 ngõ 697 đường G, quận H, Hà Nội

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, cãi vã nhau thường xuyên. Chị đã nhiều lần tha thứ cho anh T nhưng anh T không hề thay đổi, thường xuyên đánh đập vợ con, thậm chí đánh chị ngay trước mặt các con. Anh T cũng không làm tròn trách nhiệm của người cha, không đóng góp nuôi con chung, không có trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Anh T xuống ở phòng 201 nhà số 33 ngõ 697 đường G, quận H, Hà Nội để chăm sóc bố. Gia đình, họ hàng của chị đều biết việc của gia đình chị và ủng hộ chị ly hôn với anh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đ xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thành P, sinh ngày 14/03/2007 và cháu Phạm Hồng M, sinh ngày 16/02/2012, hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị Đ tại căn hộ 203 số nhà 33 ngõ 697 đường G, quận H, Hà Nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm tại Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết thủ đô, mức lương khoảng 12 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị và anh T cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Mạnh T

trình bày: Anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị Đ trình bày. Anh cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không có quan hệ ngoại tình. Anh vẫn có trách nhiệm với gia đình là đưa đón con đi học. Anh thừa nhận có lúc đánh chị Đ nhưng anh đã biết mình sai, vợ chồng có ly thân 01 năm nay. Lý do anh chuyển xuống phòng 201 là để chăm sóc cho bố để anh bị tai biến. Anh vẫn còn tình cảm với chị Đ và không muốn ảnh hưởng đến con cái nên không đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thành P, sinh ngày 14/03/2007 và cháu Phạm Hồng M, sinh ngày 16/02/2012, hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị Đ. Quá trình giải quyết vụ án, lúc đầu anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, sau đó anh đồng ý để chị Đ nuôi cả hai con, nhưng tại phiên hòa giải lần cuối, anh T lại đề nghị nuôi một con, con nào thì do Tòa án quyết định. Không đề nghị chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị và anh T cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn là chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T vì chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống với anh T chỉ làm tinh thần chị bị tổn thương nhiều hơn. Về con chung, chị vẫn có nguyện vọng được nuôi hai con, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nhà ở chung: chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chị Đ và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân hơn 01 năm, đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh T; Về con chung: giao cháu Phạm Thành cho anh Phạm Mạnh T trực tiếp chăm sóc, giao cháu Phạm Hồng M cho chị Lê Thị Hồng Đ trực tiếp chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc chị Lê Thị Hồng Đ xin ly hôn với anh Phạm Mạnh T, anh Phạm Mạnh T đang trú tại địa chỉ: Phòng 201 khu nhà ghép hộ số 33 ngõ 697 đường G, phường G, quận H, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Anh Phạm Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng Đ và anh Phạm Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Đ và anh T và qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, cãi vã thường xuyên, tổ dân phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm, không ai quan tâm tới ai, không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh T không muốn ly hôn nhưng cũng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn anh T. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị Đ đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh T cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thành P, sinh ngày 14/03/2007 và cháu Phạm Hồng M, sinh ngày 16/02/2012, hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm tại Công ty TNHH một thành viên xô số kiến thiết thủ đô, mức lương khoảng 12 triệu đồng/ tháng.

Anh T có nguyện vọng được nuôi một con, con nào là do Tòa án quyết định. Anh cũng không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: qua xác minh tại tổ dân phố, hai cháu P và M lúc ở với bố, lúc ở với mẹ vì các cháu chỉ ở hai phòng khác nhau của cùng một tòa

nhà. Hàng ngày, anh T vẫn có trách nhiệm đưa đón con đi học. Qua ý kiến của cháu P, mặc dù nguyện vọng của cháu được ở với mẹ nhưng cháu cũng khẳng định, bố vẫn yêu thương các cháu và không đánh đập gì các cháu cả. Ngoài ra, cả hai con của anh chị đều là con trai, cháu P đã lớn, có thể tự chăm sóc được bản thân, do vậy mặc dù anh T không nộp các tài liệu chứng minh các điều kiện nuôi con nhưng thực tế anh T vẫn có việc làm ổn định, anh T cũng làm tại Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết thủ đô với chị Đ nên Tòa án vẫn xem xét giao cháu Phạm Thành P cho anh T trực tiếp chăm sóc để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền được làm cha của anh T và để anh T cùng phải có trách nhiệm gác vác việc nuôi con chung với chị Đ. Xét yêu cầu của chị Đ muốn được nuôi hai cháu: Chị Đ làm nhân viên công ty xổ số kiến thiết thủ đô, mức lương khoảng 12 triệu đồng/ tháng, đây là mức thu nhập trung bình, nếu chị phải nuôi hai con sẽ gặp khó khăn rất lớn. Cháu M còn nhỏ vẫn cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên giao cháu M cho mẹ trực tiếp chăm sóc là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng của anh T và chị Đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Chị Đ và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227,228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự
Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Đ. Chị Lê Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Phạm Mạnh T.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thành P, sinh ngày 14/03/2007 cho anh

Phạm Mạnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Giao cháu Phạm Hồng M, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Lê Thị Hồng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh, chị cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: chị Đ và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại biên lai số AA/2017/0004683 ngày 02/01/2019 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Mạnh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 237/2004
Quyển số 02/2004 ngày 29/11/2004);
- Các đương sự
- Lưu HS+ VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kim Cúc

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình Minh có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**